

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

I. Khái quát về dự án:

1. Tên dự án: Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vũ.
2. Nhóm dự án, loại, cấp: Dự án nhóm B; công trình giao thông, cấp II.
3. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội;
5. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Phú Diễn và phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.
6. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 1.106.015.000.000 đồng.
7. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.
8. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - Quý II/2027.
9. Mục tiêu đầu tư dự án

Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vũ nhằm giải quyết xung đột giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông tại nút giao và các nút giao kế cận, giảm chi phí, thời gian chờ đợi do ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong đô thị, đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch được duyệt, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

10. Quy mô đầu tư (dự kiến):

- Đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vũ theo hướng đường Hoàng Quốc Việt đi đường Trần Vũ tại nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt kéo dài và đường Phạm Văn Đồng. Tổng chiều dài tuyến $L=1,203$ km (trong đó tổng chiều dài hầm và tường chắn, gờ chắn bánh là 672,80m). Quy mô mặt cắt ngang hầm bố trí 06 làn xe, mặt cắt ngang toàn hầm 22,1m, trong đó mỗi bên 02 làn xe hỗn hợp rộng 3,5m và 01 lề gia cố rộng 1,9m.

- Đầu tư xây dựng mới đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến phố Trần Vũ, với quy mô mặt cắt $B=50$ m theo quy hoạch.

- Đường Hoàng Quốc Việt hiện trạng thu hẹp hè, điều chỉnh dải phân cách giữa, mở rộng làn đường bên phải và bên trái các đường xung quanh nút giao đảm bảo mở rộng tối đa mặt đường hai bên; di chuyển, xây dựng mới điểm trung chuyển xe Bus (bao gồm cả cầu vượt cho người đi bộ); khớp nối hạ tầng kỹ thuật; xây dựng trạm bơm thoát nước, trạm biến áp, cây xanh, hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu, ITS, sơn kẻ và tổ chức giao thông tổng thể nút giao đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

II. Giới thiệu về gói thầu

1. Tên gói thầu: Gói 06/TV: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập mô hình thông tin công trình (BIM)

2. Gói thầu gồm các nội dung chính sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, giao thông, bãi đổ thải...
- Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.
- Lập mô hình thông tin công trình (BIM).

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

4. Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

5. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng hỗn hợp:

- Phần khảo sát: Đơn giá cố định.
- Phần lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập mô hình thông tin công trình (BIM): Trọn gói.

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

III. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập mô hình thông tin công trình (BIM); thực hiện đúng thời gian và tiến độ yêu cầu với khối lượng đầy đủ, có chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án, đáp ứng được nhiệm vụ của dự án và các yêu cầu theo quy định hiện hành.

B. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

I. Nhiệm vụ khảo sát

1. Mục đích khảo sát xây dựng:

Khảo sát, thu thập các số liệu, tài liệu cần thiết để phục vụ công tác thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC-DT) và lập ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM).

2. Phạm vi khảo sát xây dựng:

Khảo sát theo phạm vi, quy mô Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vũ đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6586/QĐ-UBND ngày 31/12/2025.

3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng:

Căn cứ vào nhiệm vụ khảo sát, các tiêu chuẩn chủ yếu như sau:

Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án do đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát đề xuất, tuân thủ theo các tiêu chuẩn các quy chuẩn, tiêu chuẩn ở bước khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi có bổ sung, cập nhật chi tiết như sau:

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao.
- QCVN 47:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.
- TCVN 4419:1987 Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.
- TCVN 5747:1993 Đất xây dựng - phân loại.

- TCVN 9401:2012 Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- TCVN 9437-2012 Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình.

- TCVN 13346:2021 Công trình phòng chống sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát thiết kế.

-TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ khai thác.

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCCS 41:2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.

- Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 theo Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định có liên quan.

4. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng: Quý I năm 2026.

5. Nội dung các loại công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC-DT) dự kiến:

- Giữ nguyên một số nội dung đã được phê duyệt trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, gồm: cấp địa hình, tỷ lệ đo vẽ cắt dọc, cắt ngang...

- Cập nhật, bổ sung một số công tác khảo sát để đảm bảo số liệu sát thực tế nhất tại thời điểm lập thiết kế BVTC và dự toán

5.1. Công tác điều tra, thu thập, làm việc với các cơ quan chức năng:

Điều tra, thu thập bổ sung số liệu kinh tế, xã hội, quy hoạch phục vụ lập dự toán; khảo sát thu thập số liệu các tuyến đường sắt tương lai giao cắt với phạm vi của dự án (nếu có); Thị sát hiện trường; Thỏa thuận, làm việc với cơ quan chuyên ngành. Đo vẽ hiện trạng cầu đi bộ, nhà chờ xe bus...: Khối lượng dự kiến 20 công.

5.2. Công tác khảo sát địa hình:

5.2.1. Lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao:

Tận dụng số liệu bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi.

5.2.2. Khảo sát tuyến:

a) *Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m:* Tận dụng số liệu bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi; Bổ sung vị trí dịch chuyển nhà chờ xe buýt, cầu đi bộ. Khối lượng dự kiến 2.80 ha

b) *Đo vẽ mặt cắt dọc, mặt cắt ngang:*

* Tuyến chính (bao gồm đường Hoàng Quốc Việt, đường Vành đai III và đường Trần Vỹ):

- Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạ tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp IV:

+ Phần tuyến chính: Tận dụng số liệu khảo sát của bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi. Đo vẽ, bổ sung, khảo sát 02 đường nhánh chạy song song hầm, 04 nhánh phạm vi nút giao và nhà chờ xe bus, khối lượng dự kiến: 6795m.

- Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp IV:
- + Phần tuyến chính: Tận dụng số liệu khảo sát của bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi. Đo chiêm dày với mật độ 60 cọc/km và đo từ tim tuyến về mỗi bên 30m, khối lượng dự kiến: 2406m.
- + 02 nhánh song song với hầm trên đường Hoàng Quốc Việt đo với mật độ 60 cọc/km và đo từ mép chỉ giới ra mỗi bên 10m. Khối lượng dự kiến phần đo vẽ cắt ngang: 702m.
- + 04 nhánh rẽ phải đo với mật độ 10m/cọc và đo từ tim nhánh nút giao về mỗi bên 30m. Khối lượng dự kiến phần đo vẽ cắt ngang: 1440m.
- + Đường Vành đai 3 đo với mật độ 50 cọc/km và đo từ tim về mỗi bên 40m. Khối lượng dự kiến phần đo vẽ cắt ngang: 1060m.
- + Đường Trần Vũ đo với mật độ 50 cọc/km và đo từ tim về mỗi bên 25m. Khối lượng dự kiến phần đo vẽ cắt ngang: 375m.
- + Đường Hoàng Quốc Việt đoạn nhà chờ xe bus đo với mật độ 50 cọc/km và đo từ tim về mỗi bên 30m. Khối lượng dự kiến phần đo vẽ cắt ngang: 1200m.

Tổng khối lượng đo vẽ cắt ngang dự kiến 7183m

* Đường giao dân sinh: Trên tuyến có khoảng 5 đường dân sinh vượt nối vào hệ thống tuyến chính của dự án.

+ Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp IV. Phạm vi đo từ mép mặt đường ra 20m. Khối lượng dự kiến: 200m.

+ Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp IV. Mật độ đo 5m/cọc và đo từ tim đường dân sinh sang mỗi bên 5m. Khối lượng dự kiến: 40m.

5.3. Công tác khảo sát địa chất:

5.3.1. Nền đường thông thường: Dự kiến 01 hố khoan, chiều sâu dự kiến 7m

- Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I-III: 7m.

- Công tác lấy mẫu thí nghiệm: Khoan lấy mẫu trung bình 2m/mẫu. Số lượng mẫu thí nghiệm 100% số mẫu; trong đó: mẫu thí nghiệm nguyên dạng là 50%, mẫu thí nghiệm phá hủy là 50% số mẫu thí nghiệm.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường mẫu đất nguyên dạng: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; khối lượng riêng; độ ẩm độ hút ẩm; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; tính nén lún trong điều kiện không nở hông; sức chống cắt trên máy cắt phẳng. Mỗi loại thí nghiệm 02 mẫu.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của mẫu phá hủy: Thành phần hạt; khối lượng riêng; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; hệ số rỗng lớn nhất, hệ số rỗng nhỏ nhất; góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát. Mỗi loại thí nghiệm 02 mẫu.

5.3.2. Hầm kín và hầm hở: Dự kiến 07 hố khoan, chiều sâu dự kiến 35m/hố.

- Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I-III: 189m; Cấp đất đá IV: 56m.

- Công tác lấy mẫu thí nghiệm: Khoan lấy mẫu trung bình 2m/mẫu. Số lượng mẫu thí nghiệm 60% số mẫu; trong đó: mẫu thí nghiệm nguyên dạng là 75%, mẫu thí nghiệm phá hủy là 25% số mẫu thí nghiệm.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường mẫu đất nguyên dạng: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; khối lượng riêng; độ ẩm độ hút ẩm; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; tính nén lún trong điều kiện không nở hông; sức chống cắt trên máy cắt phẳng. Mỗi loại thí nghiệm 56 mẫu.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của mẫu phá hủy: Thành phần hạt; khối lượng riêng; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; hệ số rỗng lớn nhất, hệ số rỗng nhỏ nhất; góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát. Mỗi loại thí nghiệm 18 mẫu.

- Thí nghiệm nén 1 trục nở hông. Khối lượng dự kiến 21 mẫu.

- Thí nghiệm phục vụ tính toán xử lý đất yếu: Thí nghiệm Cv; Thí nghiệm UU; Thí nghiệm 3 trục (Sơ đồ CU). Mỗi loại thí nghiệm 03 mẫu.

- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III: 95 lần; cấp đất đá IV-VI: 28 lần.

5.3.3. Tường chắn:

Dự kiến 01 hố khoan, chiều sâu dự kiến 35m.

- Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I-III: 27m; Cấp đất đá IV: 8m.

- Công tác lấy mẫu thí nghiệm: Khoan lấy mẫu trung bình 2m/mẫu. Số lượng mẫu thí nghiệm 60% số mẫu; trong đó: mẫu thí nghiệm nguyên dạng là 75%, mẫu thí nghiệm phá hủy là 25% số mẫu thí nghiệm.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường mẫu đất nguyên dạng: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; khối lượng riêng; độ ẩm độ hút ẩm; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; tính nén lún trong điều kiện không nở hông; sức chống cắt trên máy cắt phẳng. Mỗi loại thí nghiệm 08 mẫu.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của mẫu phá hủy: Thành phần hạt; khối lượng riêng; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; hệ số rỗng lớn nhất, hệ số rỗng nhỏ nhất; góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát. Mỗi loại thí nghiệm 03 mẫu.

- Thí nghiệm nén 1 trục nở hông. Khối lượng dự kiến 03 mẫu.

- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III: 14 lần; cấp đất đá IV-VI: 4 lần.

5.3.4. Trạm bơm:

Dự kiến 01 hố khoan, chiều sâu dự kiến 35m.

- Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I-III: 27m; Cấp đất đá IV: 8m.

- Công tác lấy mẫu thí nghiệm: Khoan lấy mẫu trung bình 2m/mẫu. Số lượng mẫu thí nghiệm 60% số mẫu; trong đó: mẫu thí nghiệm nguyên dạng là 75%, mẫu thí nghiệm phá hủy là 25% số mẫu thí nghiệm.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường mẫu đất nguyên dạng: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; khối lượng riêng; độ ẩm độ hút ẩm; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; tính nén lún trong điều kiện không nở hông; sức chống cắt trên máy cắt phẳng. Mỗi loại thí nghiệm 08 mẫu.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của mẫu phá hủy: Thành phần hạt; khối lượng riêng; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; hệ số rỗng lớn nhất, hệ số rỗng nhỏ nhất; góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát. Mỗi loại thí nghiệm 03 mẫu.

- Thí nghiệm nén 1 trục nở hông. Khối lượng dự kiến 03 mẫu.
- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III: 14 lần; cấp đất đá IV-VI: 4 lần.

5.3.5. Cầu đi bộ:

Dự kiến 03 hố khoan bố trí tại mỗi trụ, chiều sâu dự kiến 25m/lỗ.

- Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I-III: 75m.

- Công tác lấy mẫu thí nghiệm: Khoan lấy mẫu trung bình 2m/mẫu. Số lượng mẫu thí nghiệm 60% số mẫu; trong đó: mẫu thí nghiệm nguyên dạng là 75%, mẫu thí nghiệm phá hủy là 25% số mẫu thí nghiệm.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường mẫu đất nguyên dạng: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; khối lượng riêng; độ ẩm độ hút ẩm; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; tính nén lún trong điều kiện không nở hông; sức chống cắt trên máy cắt phẳng. Mỗi loại thí nghiệm 18 mẫu.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của mẫu phá hủy: Thành phần hạt; khối lượng riêng; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; hệ số rỗng lớn nhất, hệ số rỗng nhỏ nhất; góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát. Mỗi loại thí nghiệm 05 mẫu.

- Thí nghiệm nén 1 trục nở hông. Khối lượng dự kiến 03 mẫu.

- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III: 38 lần

5.3.6. Công tác thí nghiệm phục vụ thiết kế phương án xử lý móng hầm bằng cọc xi măng đất và cọc Jet grouting được tận dụng các chỉ tiêu thí nghiệm của lỗ khoan địa chất phần hầm và thí nghiệm thêm một số chỉ tiêu chi tiết như sau:

- Phạm vi dự án dự kiến thiết kế biện pháp xử lý nền đường bằng cọc xi măng đất và cọc Jet grouting. Thí nghiệm thực hiện với 3 hàm lượng xi măng trên xi măng PCB40 với 2 mức tuổi (14 ngày và 28 ngày).

- Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của đất: Độ ẩm của mẫu đất sau khi hong, hàm lượng hữu cơ của đất, độ PH của đất; Thành phần hạt của đất; Giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất; Độ ẩm tự nhiên của đất; Khối lượng thể tích tự nhiên của đất. Mỗi loại thí nghiệm 03 tổ mẫu.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu của mẫu đất trộn xi măng: Thí nghiệm nén một trục trong điều kiện có nở hông 54 mẫu.

5.4. Quan trắc mực nước ngầm:

Sử dụng lỗ khoan khảo sát địa chất tại vị trí hầm kín, lắp đặt ống lọc đường kính 65mm dài 25m và ống vách đường kính 65mm dài 10m. Quy trình lắp đặt và quan trắc thực hiện theo TCVN 8869:2011.

5.5. Khảo sát mỏ vật liệu:

- Khảo sát mỏ vật liệu: 3 mỏ đất, 2 mỏ (bãi tập kết) cát, 2 mỏ đá: Khối lượng dự kiến 10 công.

- Đối với mẫu đất đắp: Thành phần hạt; Khối lượng riêng; Độ ẩm giới hạn dẻo, giới hạn chảy; Đầm nén Proctor cải tiến; Chỉ số CBR; Chế bị mẫu và thí nghiệm xác định mô đun đàn hồi mẫu tại độ chặt K98; Xác định hệ số nở rỗng thông qua các chỉ tiêu: độ ẩm, khối lượng thể tích tự nhiên, khối lượng thể tích xộp. Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 09 mẫu. Cắt mẫu chế bị tại độ chặt K95 (trạng thái khô và bão hòa): 18 mẫu.

- Đối với mẫu cát BTXM: Thành phần hạt và mô đun độ lớn; Khối lượng thể tích xốp; Hàm lượng bụi, bùn, sét bản; Khối lượng riêng; Hàm lượng hữu cơ. Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 06 mẫu.

- Đối với mẫu cát đắp: Thành phần hạt; Khối lượng riêng; Độ ẩm giới hạn dẻo, giới hạn chảy; Góc nghỉ khô và góc nghỉ ướt; Hệ số rỗng lớn nhất, hệ số rỗng nhỏ nhất thông qua thí nghiệm độ chặt tiêu chuẩn; Đàm nén Proctor cải tiến; Chỉ số CBR; thí nghiệm xác định mô đun đàn hồi mẫu tại độ chặt K98. Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 06 mẫu. Thí nghiệm xác định mô đun đàn hồi mẫu tại độ chặt K95, K98 (trạng thái độ ẩm chế bị và bão hòa): 24 mẫu; Cắt mẫu chế bị tại độ chặt K95 (trạng thái khô và bão hòa): 12 mẫu.

- Đối với mẫu cát xây dựng: Thành phần hạt và mô đun độ lớn; Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích xốp; Tạp chất hữu cơ; Hàm lượng sét cục; Hàm lượng bụi, bùn, sét bản. Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 06 mẫu.

- Đối với mẫu đá xây dựng: Cường độ và hệ số hoá mềm của đá nguyên khai (Cường độ kháng nén khi khô và bão hòa); Khối lượng thể tích; Khối lượng riêng; Độ mài mòn; Độ dính bám của đá với nhựa 60/70. Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 06 mẫu.

- Đối với mẫu CPĐD loại I: Thành phần hạt; Hàm lượng yếu mềm phong hóa; Độ ẩm giới hạn dẻo, giới hạn chảy; Hàm lượng hạt thoi dẹt; Đàm nén Proctor cải tiến; Chỉ số CBR (cho CPĐD loại I). Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 06 mẫu. Thí nghiệm xác định mô đun đàn hồi mẫu tại độ chặt K98 (Trạng thái độ ẩm chế bị và độ ẩm bão hòa): 12 mẫu

- Đối với mẫu CPĐD loại II: Thành phần hạt; Hàm lượng yếu mềm phong hóa; Độ ẩm giới hạn dẻo, giới hạn chảy; Hàm lượng hạt thoi dẹt; Đàm nén Proctor cải tiến; Chỉ số CBR (cho CPĐD loại II). Mỗi chỉ tiêu thí nghiệm 06 mẫu.

5.6. Khảo sát bãi đổ thải

- Khảo sát bãi đổ thải: Khối lượng dự kiến 3 công

5.7. Thí nghiệm hỗn hợp BTN:

a) Các thí nghiệm đánh giá chất lượng vật liệu (mỗi thí nghiệm 03 mẫu):

- Đối với bột khoáng: Thành phần hạt; khối lượng riêng; độ ẩm (hàm lượng nước); chỉ số dẻo; độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường.

- Đối với cát (cát xay/cát nghiền): Khối lượng riêng hoặc khối lượng thể tích; thành phần hạt và mô đun độ lớn; hàm lượng bụi, bùn, sét bản; hàm lượng tạp chất hữu cơ; hàm lượng sét cục; thành phần hạt bằng phương pháp tỷ trọng kế; độ góc cạnh.

- Đối với đá dăm: Độ mài mòn; hàm lượng thoi dẹt; hàm lượng hạt mềm yếu và hạt bị phong hóa; hàm lượng bụi sét bản; hàm lượng sét cục.

- Đối với đá 1x2: Thành phần hạt; Khối lượng thể tích xốp; Hàm lượng thoi dẹt; Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; Hàm lượng bụi bùn sét; Độ hao mòn khi va đập trong máy Los Angeles; Hàm lượng sét cục.

- Đối với đá 0.5x1 (Dmax=10mm): Thành phần hạt; Khối lượng thể tích xốp; Hàm lượng thoi dẹt; Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; Hàm lượng bụi bùn sét.

- Đối với đá mặt: Thành phần hạt và mô đun độ lớn MK; Hệ số đương lượng ES; Khối lượng thể tích xốp; Hàm lượng bụi bùn sét

- Đối với nhựa đường 60/70: Độ kim lún ở 25°C; Chỉ số độ kim lún PI (tính từ độ kim lún); Điểm hóa mềm; Độ nhớt động lực ở 135°C; Độ kéo dài ở 25°C; Hàm lượng paraffin; Điểm chớp cháy; Độ hòa tan trong Tricloetylen; Khối lượng riêng ở 25°C.

b) Các thí nghiệm trên mẫu nhựa sau khi thí nghiệm TFOT (mỗi thí nghiệm 03 mẫu)

- Tồn thất khối lượng; Tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25°C; Độ kéo dài ở 25°C. Độ dính bám với đá.

c) Các thí nghiệm phục vụ thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa (BTNC 16, BTNC 19):

- Thành phần hạt đá dăm (03 nhóm hạt: 0-5, 5-10, 10-20): 09 mẫu.

- Khối lượng riêng của các phối liệu trong bê tông nhựa phục vụ tính toán độ rỗng cốt liệu: 09 mẫu.

- Khối lượng thể tích mẫu BTN phục vụ tính toán khi lựa chọn hàm lượng nhựa: 30 mẫu.

- Khối lượng riêng mẫu phối trộn nhựa và cốt liệu (BTN rời) khi lựa chọn hàm lượng nhựa xác định tỷ trọng lớn nhất mẫu BTN: 30 mẫu.

- Độ ổn định và độ dẻo Marshall khi lựa chọn hàm lượng nhựa: 30 mẫu.

- Khối lượng thể tích với hàm lượng nhựa tối ưu dự báo: 12 mẫu.

- Trọng lượng riêng của BTN với hàm lượng nhựa tối ưu dự báo: 06 mẫu.

- Độ ổn định Marshall và chỉ số dẻo Marshall với hàm lượng nhựa tối ưu dự báo: 12 mẫu.

- Thí nghiệm độ sâu vết hằn bánh xe BTNC 16: 02 mẫu.

- Xác định mô đun đàn hồi tĩnh (E_v) ở nhiệt độ 15°C - 30°C - 60°C: 18 mẫu.

- Xác định cường độ kéo khi uốn (R_{ku}), làm ép chẻ: 06 mẫu.

- Tính toán tỷ lệ phối trộn các loại cốt liệu (Các thí nghiệm và nội dung công việc trong quá trình thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa (BTNC16-BTNC19)): 04 công

- Phối trộn 20 mẫu hỗn hợp, trong đó đầm 15 mẫu/thiết kế theo phương pháp Marshall, 5 mẫu phối trộn nhựa và cốt liệu (BTN rời) xác định tỷ trọng/khối lượng riêng. (Các thí nghiệm và nội dung công việc trong quá trình thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa (BTNC16-BTNC19)): 08 công

- Phối trộn 20 mẫu hỗn hợp, trong đó đầm 15 mẫu/thiết kế Chế bị mẫu bê tông nhựa với hàm lượng nhựa tối ưu dự báo (6 mẫu/1 thiết kế) (Các thí nghiệm và nội dung công việc trong quá trình thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa (BTNC16-BTNC19)): 04 công

- Phối trộn 20 mẫu hỗn hợp, trong đó đầm 15 mẫu/thiết kế Công chế tạo mẫu bê tông nhựa thí nghiệm mô đun đàn hồi và xác định cường độ chịu kéo khi uốn BTN và ĐGCN (Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của mẫu BTN): 02 công.

- Công chế tạo mẫu bê tông nhựa thí nghiệm mô đun đàn hồi và xác định cường độ chịu kéo khi uốn BTN và ĐGCN (Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của mẫu BTN): 08 công

* Đối với các công tác khảo sát khác tận dụng kết quả khảo sát đã thực hiện trong bước báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

II. Nhiệm vụ lập hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế BVTC-DT xây dựng công trình):

1. Các căn cứ để lập hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng công trình:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực kể từ 01 tháng 7 năm 2025.

- Các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính; số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018; số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; số 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 37/2017/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 về việc ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội; số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 về ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 6586/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành có liên quan.

2. *Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình: (Theo Quyết định số 6586/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND Thành phố Hà Nội)*

Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ nhằm giải quyết xung đột giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông tại nút giao và các nút giao kế cận, giảm chi phí, thời gian chờ đợi do ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong đô thị, đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch được duyệt, góp phần đảm bảo, an ninh trật tự, an toàn giao thông và phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

a. *Địa điểm xây dựng công trình:* Các phường Nghĩa Đô, Phú Diễn - thành phố Hà Nội.

b. *Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình:*

Giải pháp thiết kế của dự án phải đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, phương án kiến trúc (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. *Các yêu cầu về quy mô và thời gian sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:*

- Quy mô công trình phù hợp với nội dung tại Quyết định số 6586/QĐ-UBND

ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

- Các yêu cầu kỹ thuật của công trình đảm bảo tuân thủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan. Hồ sơ phải đảm bảo đo bóc khối lượng xây dựng tuân thủ quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

d. Các yêu cầu về công tác lập dự toán xây dựng công trình:

- Dự toán xây dựng công trình được lập phải tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, áp dụng các bộ định mức, đơn giá, phương pháp tính theo quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội, công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nội dung dự toán xây dựng công trình phải lập đúng, đủ, rõ ràng và đảm bảo tính chính xác, hợp pháp theo quy định.

III. Nhiệm vụ ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM)

1. Nội dung ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM bước lập TKBVTC-DT:

- Thiết kế dựa trên nền tảng BIM đã được lập ở bước lập dự án đầu tư.
- Phối hợp 3D giữa các hạng mục, giữa thiết kế và hiện hữu.
- Tương tác trực tuyến thông qua môi trường dữ liệu chung (CDE).
- Quản lý, số hóa dữ liệu dự án.

2. Các hạng mục ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM):

- Công trình đường, hầm, nút giao và các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến như: thoát nước, cấp nước và PCCC, cây xanh, chiếu sáng, an toàn giao thông, đèn tín hiệu, các hạng mục di chuyển các công trình ngầm nổi phục vụ GPMB của Dự án thành phần 1.1 và 1.2, các công trình phụ trợ khác theo đúng nội dung của Dự án đã được UBND thành phố phê duyệt.

Thời gian thực hiện ứng dụng mô hình thông tin công trình: Dự kiến 60 ngày.

a. Yêu cầu về sản phẩm và kỹ thuật:

Mức độ phát triển thông tin các cấu kiện, kết cấu, hạng mục công trình tham

khảo Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 5835/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 ban hành hướng dẫn chi tiết áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Sản phẩm bàn giao:

- Các sản phẩm bàn giao bằng file bao gồm cả định dạng dữ liệu gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với tính chất đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến: Mô hình hiện trạng công trình; các mô hình thành phần dự án; mô hình tổng hợp; các thông tin, dữ liệu trao đổi trên CDE.

- Các sản phẩm bàn giao bằng bản cứng: Báo cáo xung đột các bộ môn, hạng mục, mô hình thành phần dự án.

- Các sản phẩm quá trình áp dụng BIM phải được lưu trữ trên CDE.

- Các sản phẩm phục vụ quá trình thẩm định gồm: Mô hình hiện trạng công trình; các mô hình các kết cấu; báo cáo xung đột các bộ môn, hạng mục; mô hình tổng hợp; bản vẽ kết cấu các hạng mục chính của dự án; khối lượng bóc tách chi tiết từ mô hình BIM và ước tính chi phí cho các hạng mục.

- Danh mục các sản phẩm phục vụ giai đoạn sau thẩm định: Báo cáo tổng hợp ứng dụng BIM giai đoạn thiết kế cơ sở; các thông tin, dữ liệu đã trao đổi trên CDE trong quá trình thực hiện BIM.

c. Yêu cầu về quản lý:

Để đảm bảo dung lượng các mô hình hoạt động tốt, tổng thể dữ liệu mô hình dự án đề xuất chia thành các mô hình thành phần như sau:

- Mô hình hiện trạng, gồm: Mô hình hệ thống nút giao, đường giao thông; mô hình hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, nổi (chiếu sáng, trụ điện, đường dây tải điện, thông tin, cấp nước,...); mô hình cảnh quan, địa vật dọc tuyến.

- Mô hình hóa phương án thiết kế, gồm: Mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết kết cấu các công trình: Kết cấu nền mặt đường, nút giao, hệ đường, các dải phân cách, hệ thống thoát nước, cấp nước, tổ chức giao thông (vạch sơn, biển báo,...), cây xanh, chiếu sáng, trạm biến áp, đường ngang giao cắt với tuyến, công trình điện lực, đường dây tải điện, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm nổi hiện trạng,...

Tùy thuộc vào tình hình triển khai thực tế, Tư vấn thực hiện ứng dụng BIM có thể đề xuất điều chỉnh kế hoạch phân chia dữ liệu mô hình này.

IV. Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

C. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU:

Kinh nghiệm và nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí được nêu tại mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Chương III (Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT).

Nhà thầu lưu ý nội dung sau:

- Đối với các nội dung về kinh nghiệm và năng lực, nhân sự chủ chốt: Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4, Điều 16, Luật Đấu thầu và mục 4.4 E-CDNT của HSMT..

D. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN MỜI THẦU:

- Phối hợp với tư vấn sơ tầm và làm rõ các tài liệu về dự án, kế hoạch, mục tiêu xây dựng công trình mà các cấp có thẩm quyền đã duyệt.
- Phối hợp với tư vấn lựa chọn các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với chế độ quy định của Nhà nước.
- Sẵn sàng cung cấp những thông tin số liệu đã có khi đơn vị tư vấn có yêu cầu.
- Phối hợp với địa phương trong vùng dự án tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát được thuận tiện.
- Cử các cán bộ giám sát theo dõi khối lượng và chất lượng trong suốt quá trình khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM).

E. NỘI DUNG KHÁC:

1. Việc miễn giảm thuế GTGT theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội, được thực hiện trên cơ sở thời gian triển khai dịch vụ tư vấn và nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định. Trường hợp tại thời điểm nghiệm thu thanh toán, nếu mức thuế GTGT < 10% thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ khoản chi phí phần thuế giảm đi ngay trên hồ sơ thanh toán của nhà thầu).

2. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.